

Số: 313/QĐ-UBND

Đình Lập, ngày 29 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở
tại nông thôn thuộc Dự án Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu
trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập (60 thửa đất)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÌNH LẬP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản ngày 27/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/08/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/04/2025 của Bộ Tư pháp Quyết định ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 66,11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 11/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000;

Căn cứ Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập; Quyết định số 1392/QĐ-UBND về việc Phê duyệt dự án Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập;

Căn cứ Công văn số 2225/VP-KTTH ngày 26/3/2026 của Văn phòng UBND tỉnh Lạng Sơn về việc bố trí quỹ đất tái định cư và bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với quỹ đất còn lại của Dự án Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập, UBND tỉnh đồng ý chủ trương cho UBND xã Đình Lập thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với Dự án Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 31/01/2026 của UBND xã Đình Lập Đấu giá quyền sử dụng đất năm 2026 trên địa bàn xã Đình Lập;

Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của UBND xã Đình Lập về việc Phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở tại nông thôn thuộc Dự án Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập (cũ) đối với 60 thửa đất;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 148/TTr-KT ngày 29/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại nông thôn thuộc Dự án Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập (cũ) đối với 60 thửa đất, cụ thể như sau:

1, Tổng số thửa đất đưa ra đấu giá: 60 thửa.

2, Tổng giá khởi điểm: **37.558.530.000 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi bảy tỷ, năm trăm năm mươi tám triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng).

(Chi tiết bảng giá khởi điểm của 60 thửa đất ở tại nông thôn thuộc Dự án Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập (cũ) kèm theo Quyết định này).

Điều 2, Tổ chức thực hiện:

Phòng Kinh tế xã:

1. Chịu trách nhiệm toàn diện về quy trình đấu giá quyền sử dụng đất tại Quyết định này.

2. Hoàn thiện hồ sơ đấu giá, trình UBND xã ban hành Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất và thực hiện tổ chức đấu giá theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, các phòng chuyên môn và đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng Chuyên môn;
- Công An xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT,

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Chiến Hiệp

Bảng tổng hợp giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất ở tại nông thôn thuộc Dự án Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập (cũ) đối với 60 thửa đất
(Kèm theo Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND xã Đình Lập)

STT	Số tờ ĐĐ ĐC	Thửa đất số	Số lô	Lô chi tiết	Tổng diện tích (m ²)	Vị trí		Bảng giá (đồng)		Giá khởi điểm dự kiến theo bảng giá đất UBND tỉnh ban hành năm 2026 (VNĐ)
						Vị trí 1 (m ²)	Vị trí 2 (m ²)	Vị trí 1	Vị trí 2	
1	18	87	LK-01	12	87,9	87,9		7.600.000		668.040.000
2	18	88	LK-01	13	88,5	88,5		7.600.000		672.600.000
3	18	89	LK-01	14	88,5	88,5		7.600.000		672.600.000
4	18	90	LK-01	15	88,5	88,5		7.600.000		672.600.000
5	18	91	LK-01	16	88,5	88,5		7.600.000		672.600.000
6	18	92	LK-01	17	88,5	88,5		7.600.000		672.600.000
7	18	64	LK-01	18	88,5	88,5		7.600.000		672.600.000
8	18	65	LK-01	19	88,5	88,5		7.600.000		672.600.000
9	18	66	LK-01	20	88,5	88,5		7.600.000		672.600.000
10	18	67	LK-01	21	88,5	88,5		7.600.000		672.600.000
11	18	68	LK-01	22	82,8	82,8		7.600.000		629.280.000

12	18	69	LK-01	23	83,3	83,3		7.600.000		633.080.000
13	18	70	LK-01	24	81,5	81,5		7.600.000		619.400.000
14	18	71	LK-01	25	91,0	91,0		7.600.000		691.600.000
15	18	72	LK-01	26	99,0	99,0		7.600.000		752.400.000
16	18	73	LK-01	27	99,0	99,0		7.600.000		752.400.000
17	18	74	LK-01	28	186,6	186,6		7.600.000		1.418.160.000
18	18	97	LK-12	4	123,3	100,1		7.600.000		866.552.000
							23,2		4.560.000	
19	18	98	LK-12	5	117,4	100,1		7.600.000		839.648.000
							17,3		4.560.000	
20	18	99	LK-12	6	111,4	99,9		7.600.000		811.680.000
							11,5		4.560.000	
21	18	100	LK-12	7	105,5	105,5		7.600.000		801.800.000
22	18	101	LK-12	8	99,6	99,6		7.600.000		756.960.000
23	18	102	LK-12	9	93,6	93,6		7.600.000		711.360.000
24	18	103	LK-12	10	87,7	87,7		7.600.000		666.520.000
25	18	104	LK-12	11	81,8	81,8		7.600.000		621.680.000
26	18	105	LK-12	12	75,8	75,8		7.600.000		576.080.000

27	18	106	LK-12	13	69,9	69,9		7.600.000		531.240.000
28	18	107	LK-12	14	76,0	76,0		7.600.000		577.600.000
29	18	80	LK-12	15	66,9	66,9		7.600.000		508.440.000
30	11	314	LK-05	1	93,4	93,4		6.900.000		644.460.000
31	11	315	LK-05	2	101,8	101,8		6.900.000		702.420.000
32	11	316	LK-05	3	102,3	102,3		6.900.000		705.870.000
33	11	317	LK-05	4	102,7	102,7		6.900.000		708.630.000
34	11	318	LK-05	5	95,1	95,1		6.900.000		656.190.000
35	11	303	LK-06	1	80,8	80,8		6.900.000		557.520.000
36	11	304	LK-06	2	81,1	81,1		6.900.000		559.590.000
37	11	305	LK-06	3	89,7	89,7		6.900.000		618.930.000
38	19	111	LK-10	2	84,0	84,0		6.900.000		579.600.000
39	19	112	LK-10	3	84,0	84,0		6.900.000		579.600.000
40	19	113	LK-10	4	84,0	84,0		6.900.000		579.600.000

41	19	114	LK-10	5	84,0	84,0		6.900.000		579.600.000
42	19	115	LK-10	6	84,0	84,0		6.900.000		579.600.000
43	19	116	LK-10	7	84,0	84,0		6.900.000		579.600.000
44	19	117	LK-10	8	84,0	84,0		6.900.000		579.600.000
45	19	143	LK-10	34	107,5	107,5		7.600.000		817.000.000
46	11	306	LK-06	4	96,0	96,0		5.200.000		499.200.000
47	11	307	LK-06	5	96,0	96,0		5.200.000		499.200.000
48	11	308	LK-06	6	96,0	96,0		5.200.000		499.200.000
49	11	309	LK-06	7	96,0	96,0		5.200.000		499.200.000
50	11	310	LK-06	8	96,0	96,0		5.200.000		499.200.000
51	11	311	LK-06	9	96,0	96,0		5.200.000		499.200.000
52	11	312	LK-06	10	96,0	96,0		5.200.000		499.200.000
53	11	313	LK-06	11	94,5	94,5		5.200.000		491.400.000
54	19	136	LK-10	27	84,0	84,0		5.200.000		436.800.000

55	19	137	LK-10	28	84,0	84,0		5.200.000		436,800,000
56	19	138	LK-10	29	84,0	84,0		5.200.000		436,800,000
57	19	139	LK-10	30	84,0	84,0		5.200.000		436,800,000
58	19	140	LK-10	31	84,0	84,0		5.200.000		436,800,000
59	19	141	LK-10	32	84,0	84,0		5.200.000		436,800,000
60	19	142	LK-10	33	84,0	84,0		5.200.000		436,800,000
Tổng: 60 thửa đất					5.513,4					37.558.530.000